TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 191/2019/QĐST- HNGĐ	*C, ngày 26 tháng 11 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số : 156/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Quốc H (Lê Quang H)** – sinh năm 1972

Địa chỉ: Tổ khu phố T, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* Bà **Lý Thị V** – sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 16, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông **Lê Quốc H (Lê Quang H)** – sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ khu phố T, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.
Bà **Lý Thị V** – sinh năm 1979
Địa chỉ: Tổ 16, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Lê Quốc H (Lê Quang H) và bà Lý Thị V.

- Về việc nuôi con chung: Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung là Lê Thu H (sinh ngày 08/7/2003) và Lê Thị Quế A (sinh ngày 05/9/1999).

Con chung Lê Thị Quế A đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra vấn đề xem xét.

Sau khi ly hôn, các bên thống nhất thoả thuận: Ông Lê Quốc H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thu H (sinh ngày 08/7/2003) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc chia tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:

Về tài sản chung, nợ riêng: Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Ông Lê Quốc H (Lê Quang H) và bà Lý Thị V mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn.

Ông H tự nguyện nộp thay số tiền án phí cho bà V. Tổng số tiền án phí ông H phải chịu là 150.000đ, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000549 ngày 09/9/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố C, tỉnh Cao Bằng và ông H được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao BằngB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường H, TPCB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Na